

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2017/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế; văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét Tờ trình số 177/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Báo cáo thẩm tra số 195/BC-BVHXH ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Bãi bỏ các Nghị quyết:

a) Nghị quyết số 30/2010/NQ-HĐND ngày 17/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Nghị quyết số 08/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về sửa đổi, bổ sung một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khoá XV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. / *lll*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Lào Cai; Đài PT- TH tỉnh;
- Công báo Lào Cai;
- Lưu: VT. TH. *lll*

CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Vịnh

Về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XV - Kỳ họp thứ 5)

1. Phạm vi điều chỉnh

b) Các nội dung khác về chính sách khuyến khích xã hội hóa không quy định tại Quy định này được thực hiện theo các quy định của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng được hưởng hỗ trợ: Thực hiện theo Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP như sau:

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4

doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Danh mục chi tiết các loại hình của các cơ xã hội hóa được hưởng chính sách này theo quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 và Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan (Chi tiết theo phụ lục đính kèm Quy định này).

Điều 2. Chính sách hỗ trợ về đất đai

1. Miễn tiền thuê đất trong toàn bộ thời gian thuê đất đối với:

a) Các dự án đầu tư trên địa bàn toàn tỉnh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:

- Các dự án thuộc lĩnh vực môi trường, gồm: Cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải; cơ sở xử lý rác thải; cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế); cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế); cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán.

- Các dự án thuộc lĩnh vực y tế, gồm: Cơ sở cai nghiện; bệnh viện chuyên khoa; Cơ sở tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ cho người nhiễm HIV/AIDS; tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện và các dịch vụ trong phòng chống HIV/AIDS; xét nghiệm phát hiện HIV; xét nghiệm thực hiện kỹ thuật sinh học phân tử; tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS; cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; cơ sở trợ giúp trẻ em; trung tâm công tác xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy; cơ sở chăm sóc người bị bệnh HIV/AIDS; cơ sở chăm sóc người bị bệnh phong.

- Các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, gồm: Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao năng khiếu và thành tích cao; cơ sở sản xuất phim; bảo tàng mỹ thuật.

b) Các dự án được đầu tư trên địa bàn các xã thuộc thành phố Lào Cai và trên địa bàn các huyện (trừ thị trấn Sa Pa): Các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

2. Các dự án được miễn, giảm tiền thuê đất có thời hạn:

Các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (trừ các dự án đã quy định tại Khoản 1 Điều này) đầu tư tại các phường thuộc thành phố Lào Cai và thị trấn Sa Pa được miễn tiền thuê đất có thời hạn theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai, pháp luật về đầu tư và được giảm 50% tiền thuê đất trong thời gian còn lại.

3. Tiền thuê đất được miễn, giảm được xác định cụ thể theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ thuê cơ sở vật chất

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa nếu có nhu cầu thuê cơ sở vật chất (nhà cửa và vật kiến trúc) do nhà nước đang quản lý thì phải thực hiện thông qua đấu giá thuê cơ sở vật chất. Căn cứ quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá của cấp có thẩm

quyền, ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí thuê cơ sở vật chất cho các cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa, cụ thể như sau:

- a) Trường hợp thời gian thuê cơ sở vật chất dưới 20 năm:
 - Trường hợp tiền trả tiền hàng năm: Được hỗ trợ 20% giá trúng đấu giá.
 - Trường hợp tiền trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (trong vòng 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng): Được hỗ trợ 30% giá trúng đấu giá.
- b) Trường hợp thời gian thuê cơ sở vật chất trên 20 năm:
 - Trường hợp tiền trả tiền hàng năm: Được hỗ trợ 30% giá trúng đấu giá.
 - Trường hợp tiền trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (trong vòng 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng): Được hỗ trợ 50% giá trúng đấu giá.

2. Hình thức hỗ trợ: Bằng tiền.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ về ưu đãi tín dụng

1. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ: Các dự án đầu tư mới cơ sở xã hội hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hình thức hỗ trợ: Bằng tiền.

3. Mức hỗ trợ:

a) Các dự án thuộc lĩnh vực y tế: Hỗ trợ 100% lãi suất tín dụng của ngân hàng thương mại, nhưng tối đa không quá 1.000 triệu đồng/01 (một) cơ sở.

b) Các dự án thuộc lĩnh vực khác: Hỗ trợ 50% lãi suất tín dụng của ngân hàng thương mại, nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/01 (một) cơ sở.

4. Số tiền vay được hỗ trợ lãi suất: Là số tiền thực tế giải ngân của Hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 50% tổng mức đầu tư dự án.

5. Thời gian hỗ trợ lãi suất: Thời gian được hỗ trợ lãi suất 05 (năm) năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân của Hợp đồng tín dụng.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

1. Ngân sách tỉnh.

2. Nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Chương trình mục tiêu của các bộ, ngành.

3. Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh

PHỤ LỤC

Danh mục chi tiết các loại hình của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường

(Kèm theo Nghị quyết số 20 /2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh Lào Cai

STT	Danh mục lĩnh vực đầu tư	Danh mục chi tiết các loại hình của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường	Ghi chú
A	Danh mục loại hình tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện XHH trong lĩnh vực Giáo dục		
I	Đối với giáo dục mầm non, phổ thông	1. Trường mầm non 2. Trường tiểu học 3. Trường trung học cơ sở 4. Trường trung học phổ thông 5. trường phổ thông có nhiều cấp học	
II	Đối với đào tạo nghề nghiệp	1. Trường trung cấp 2. Trường cao đẳng	
III	Đối với các cơ sở cung cấp dịch vụ phục vụ giáo dục đào tạo	1. Cơ sở dịch vụ ăn uống cho học sinh, sinh viên 2. Cơ sở dịch vụ nhà ở cho học sinh, sinh viên 3. Trung tâm kiểm định chất lượng đào tạo (đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề và giáo dục phổ thông) 4. Trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực 5. Cơ sở đầu tư hạng tầng giáo dục và đào tạo 6. Cơ sở sản xuất trang, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em 7. Cơ sở giáo dục thường xuyên (trung tâm Ngoại ngữ - Tin học)	
B	Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện XHH trong lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	1. Cao đẳng 2. Trung cấp 3. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp	
C	Danh mục loại hình tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện XHH trong lĩnh vực Y tế		

STT	Danh mục lĩnh vực đầu tư	Danh mục chi tiết các loại hình của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường	Ghi chú
I	Cơ sở khám, chữa bệnh	1. Bệnh viện, viên có giường bệnh, cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng 1.1. Bệnh viện đa khoa 1.2. Bệnh viện chuyên khoa (kể cả cơ sở, bảo trợ xã hội chăm sóc người tàn tật, trẻ em, người già, người bị bệnh tâm thần, HIV/AIDS, phong) 1.3. Cơ sở bảo trợ xã hội 2. Phòng khám (chỉ ưu đãi với địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn kinh tế xã hội khó khăn): 2.1. Phòng khám chuyên khoa; phòng chẩn trị y học cổ truyền 2.2. Phòng khám đa khoa (có từ 4 chuyên khoa trở lên) và tối thiểu có 10 giường lưu tại các địa bàn kinh tế xã hội khó khăn (tương đương với phòng khám đa khoa khu vực tại các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa; phòng khám đa khoa (có từ 3 khoa trở lên) và tối thiểu 8 giường lưu tại các địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. 2.3. Trung tâm tư vấn về sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình 3. Trung tâm tư vấn về sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình; Phòng khám sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình. 4. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị y tế; cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra, kiểm chuẩn trang thiết bị y tế.	
II	Các cơ sở y tế dự phòng	1. Cơ sở cung cấp dịch vụ tiêm phòng ở người; dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm thuộc lĩnh vực y tế dự phòng. 2. Cơ sở cung cấp dịch vụ phun hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế; cơ sở cung cấp dịch vụ đo kiểm tra môi trường lao động; cơ sở cung cấp dịch vụ quan trắc, phân tích môi trường y tế; dịch vụ tư vấn phòng bệnh; dịch vụ tư vấn vệ sinh môi trường; dịch vụ thông tin và giáo dục sức khỏe. 3. Cơ sở tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ cho người nhiễm HIV/AIDS; Tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện và các dịch vụ trong phòng chống HIV/AIDS; Xét nghiệm phát hiện HIV; Xét nghiệm thực hiện kỹ thuật sinh học phân tử; Tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS.	
III	Vệ sinh an toàn thực phẩm, dược và mỹ phẩm	1. Cơ sở cung cấp dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm. 2. Cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và sinh phẩm y tế; đánh giá sinh khả dụng và tương đương sinh học.	

STT	Danh mục lĩnh vực đầu tư	Danh mục chi tiết các loại hình của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường	Ghi chú
IV	Cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; cơ sở trợ giúp trẻ em; trung tâm công tác xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy.		
		1. Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi; cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; cơ sở trợ giúp trẻ em	
		2. Cơ sở cai nghiện ma túy, bao gồm: Cơ sở cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khỏe; cơ sở thực hiện các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách; lao động trị liệu, hướng nghiệp dạy nghề, chuẩn bị tài hòa nhập cộng đồng; phòng chống tái nghiện; cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện thực hiện toàn bộ quy trình cai nghiện, phục hồi.	
D	Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện XHH trong lĩnh vực Văn hóa, thể thao và du lịch		
I	Lĩnh vực văn hóa		
		1. Di sản văn hóa	
		1.1. Bảo tàng ngoài công lập	
		1.2. Cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống	
		1.3. Cơ sở trình diễn/diễn xướng nhân gian.	
		1.4. Cơ sở tổ chức thi công bảo quản tu bổ và phục hồi di tích.	
		1.5. Cơ sở nghiên cứu và đào tạo về bảo tồn di sản văn hóa.	
		2. Điện ảnh	
		2.1. Cơ sở sản xuất phim	
		2.2. Cơ sở dịch vụ sản xuất phim.	
		2.3. Cơ sở xuất khẩu phim.	
		2.4. Cơ sở chiếu phim và video	
		3. Nghệ thuật biểu diễn	
		3.1. Các đơn vị nghệ thuật sân khấu (Tuồng, Chèo, Cải lương, Múa rối, Xiếc, Kinh, Dân ca) và các đơn vị nghệ thuật Ca - Múa - Nhạc dân tộc, Giao hưởng hợp xướng Opera, Ba lê.	
		4. Văn hóa cơ sở	
		4.1. Trung tâm văn hóa ngoài công lập cấp xã.	
		4.2. Khu văn hóa đa năng ngoài công lập	

STT	Danh mục lĩnh vực đầu tư	Danh mục chi tiết các loại hình của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường	Ghi chú
		4.3. Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở nông thôn.	
		4.4. Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở khu vực quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	
		4.5. Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở các quận, thành phố.	
		5. Mỹ thuật nhiếp ảnh và triển lãm	
		5.1. Bảo tàng mỹ thuật ngoài công lập	
		5.2. Vườn tượng	
		5.3. Trung tâm bảo tồn, phát triển mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm văn hóa nghệ thuật.	
		5.4 bảo tàng nhiếp ảnh ngoài công lập	
		6. Thư viện	
		6.1. Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.	
II	Lĩnh vực thể dục thể thao		
		1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao (năng khiếu và thành tích cao)	
		2. Sân thể thao, bao gồm: Sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chuyên, sân cầu lông, sân quần vợt, sân bóng rổ, sân bóng ném, sân tập, sân vận động, khu liên hợp thể thao.	
		3. Bể bơi, bể nhảy cầu, bể vầy, bể hỗn hợp, câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ thể thao dưới nước.	
		4. Nhà tập luyện thể thao.	
		5. Liên đoàn, hiệp hội thể thao.	
		6. Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.	
		7. Đơn vị sản xuất dụng cụ thể dục thể thao.	
		8. Cơ sở lưu trú, ký túc xá của vận động viên thể thao.	
E	Danh mục loại hình tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện XHH trong lĩnh vực Môi trường		
		1. Cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải.	
		2. Cơ sở xử lý rác thải.	
		3. Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế).	
		4. Cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế).	
		5. Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	
		6. Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán.	
		7. Cơ sở xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị.	



STT	Danh mục lĩnh vực đầu tư	Danh mục chi tiết các loại hình của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường	Ghi chú
		8. Cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo từ sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, năng lượng sinh học, sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường.	
		9. Cơ sở hòa táng, điện táng.	
		10. Cơ sở cung cấp nước sạch.	
		11. Cơ sở quan trắc và phân tích môi trường.	
		12. Cơ sở sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường	
		13. Cơ sở sản xuất thiết bị chuyên dùng để xử lý (tái chế, tiêu hủy) các loại chất thải.	
		14. Cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng cho các hệ thống quan trắc môi trường	
		15. Cơ sở khắc phục sự cố môi trường.	
		16. Dự án đầu tư xây dựng nhà tang lễ.	